UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CÔNG BỐ

GIÁ VẬT LIỆU THÁNG 01 NĂM 2022 ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC TRUNG TÂM THÀNH PHỐ VÀ CÁC HUYỆN

(Số 01/2022/CBLS-XD-TC ngày 10 tháng 02 năm 2022)

Bắc Ninh, tháng 02 năm 2022

UBND TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG-TÀI CHÍNH

Số: 01/2022/CBLS-XD-TC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2022

CÔNG BỐ
Giá vật liệu xây dựng tháng 01 năm 2022 đến hiện trường xây dựng khu vực trung tâm thành phố và các huyện

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Sau khi khảo sát thị trường, thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác xây dựng Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng đến hiện trường khu vực trung tâm thành phố và các huyện tháng 01 năm 2022 để các chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

I. Nội dung công bố giá vật liệu xây dựng

1. Một số loại vật liệu chủ yếu *(Chi tiết kèm theo phụ lục 1)*

1.1. Cơ sở xác định giá vật liệu xây dựng

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm; báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, mức giá công bố đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình tại trung tâm các huyện và thành phố.

Giá VLXD tại trung tâm các huyện và thành phố Từ Sơn đã tính với bán kính 2km, trung tâm thành phố Bắc Ninh đã tính với bán kính 3km.

1.2. Nguyên tắc xác định trung tâm các huyện và thành phố

Thành phố Bắc Ninh: Ngã sáu giao đường Lý Thái Tổ và đường Trần Hưng Đạo (QL18) làm trung tâm.

Thành phố Từ Sơn: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Lý Thái Tổ làm trung tâm (cạnh Bưu điện Từ Sơn).

Huyện Tiên Du: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Nguyễn Đăng Đạo (Tỉnh lộ 270) làm trung tâm (cạnh Bưu điện Tiên Du).

Huyện Yên Phong: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 286 và Tỉnh lộ 295 làm trung tâm.

Huyện Quế Võ: Ngã tư giao đường QL18 và Tỉnh lộ 279 làm trung tâm (cạnh Bưu điện Quế Võ).

Huyện Thuận Thành: Ngã tư giao đường QL38 và QL17 làm trung tâm.

Huyện Gia Bình: Ngã tư giao đường QL17 và Tỉnh lộ 280 làm trung tâm.

Huyện Lương Tài: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 280, Tỉnh lộ 281 và Tỉnh lộ 284 làm trung tâm (cạnh Hồ nước).

2. Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng

2.1. Bảng giá các doanh nghiệp *(chi tiết kèm theo phụ lục 2)*

Nhóm 1. Xi măng

1.1. Công ty TNHH TNC: Theo văn bản số 01/BG-TNC ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

1.2. Công ty xây dựng Hoàng Hải (TNHH): Theo văn bản số 01.22/BG-TNC ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

Nhóm 2. Gạch nung, gạch không nung

2.1. Công ty xây dựng Đồng Nguyên (TNHH): Theo văn bản số 01/ĐK ngày 11/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.2. Công ty Quang Long (TNHH): Theo văn bản số 01/BG-QL ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.3. Công ty Cổ phần sông cầu Hà Bắc: Theo văn bản số 01/SCHB ngày 05/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.4. Công ty TNHH sản xuất gạch bệ tông Bắc Ninh: Theo văn bản số 0101/CV-BN ngày 01/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.5. Công ty Cổ phần gạch Đại Kim: Theo văn bản số 02.22/GĐK ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.6. Công ty TNHH bê tông cường độ cao: Theo văn bản số 01/2022/HSC-CBG ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.7. Công ty TNHH vật liệu xây dựng Hoàn Sơn: Theo văn bản số 01/2022-VXDHS ngày 02/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.8. Công ty TNHH vật liệu xây dựng không nung Thuận Thành: Theo văn bản số 01/KNTT ngày 01/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký

niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.9. Công ty thương mại và xây dựng Đức Việt (TNHH): Theo văn bản số 01/CV-DV ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.10. Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Bắc Ninh: Theo văn bản số 01.2022/BG ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.11. Công ty TNHH Đại Thịnh: Theo văn bản số 01/ĐT ngày 02/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

2.12. Công ty TNHH xây dựng và sản xuất vật liệu Hải Bình: Theo văn bản số 01/2022/CV-HB ngày 10/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

Nhóm 3. Vật liệu ốp lát

3.1. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng: Theo văn bản số 100122/CV-ĐG ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

3.2. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera: Theo văn bản số 30/VIKD-DA ngày 03/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I-2022).

3.3. Công ty Cổ phần Catalan: Theo văn bản số 002/CV-CTL ngày 01/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I-2022).

3.4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Ý Gia: Theo văn bản số 01/YG ngày 01/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I-2022).

Nhóm 4. Vật liệu lợp

4.1. Công ty Cổ phần Austnam.

4.2. Công ty TNHH Libati: Theo văn bản số 012022/BG-LIBATI ngày 13/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

4.3. Công ty Cổ phần thép Nam Kim: Theo văn bản số 512/2022/CV/KDNĐ ngày 12/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

Nhóm 5. Cửa các loại và trần nhà

5.1. Công ty TNHH Hải Hà VINA: Theo văn bản số 01/BG-HHVN ngày 01/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh.

5.2. Công ty TNHH đồ gỗ PLC: Theo văn bản số 02/BG-PLC ngày 27/12/2021 về việc đề nghị niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

5.3. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 01012022/VENRA-SXD ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

5.4. Công ty TNHH thiết bị Bảo Minh An: Theo văn bản số 392/CV ngày 10/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

5.5. Công ty Ngọc Hùng (TNHH): Theo văn bản số 01/CV-NH ngày 05/01/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2022.

5.6. Công ty Cổ phần tập đoàn Austdoor: Theo văn bản số 49/CV-ADG ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

5.7. Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Trung Hiếu: Theo văn bản số 01.2022/BG-TH ngày 10/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

5.8. Công ty Cổ phần nhôm và cơ khí xây lắp Việt Pháp: Theo văn bản số 01-2022/TBG-FV ngày 10/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh.

5.9. Công ty Cổ phần Hùng Châm: Theo văn bản số 01/CV ngày 03/01/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2022.

5.10. Công ty TNHH công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc Việt Nam: Theo văn bản số PS-BG-01/2022 ngày 13/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

Nhóm 6. Sơn, bột bả các loại

6.1. Công ty Cổ phần công nghệ Tincom Quốc Tế: Theo văn bản số 01/TC-VP ngày 11/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.2. Công ty Cổ phần Sơn Jymec Việt Nam: Theo văn bản số 0122/JM-SXDBN ngày 10/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.3. Chi nhánh Công ty Cổ phần L.Q Joton tại Hải Dương: Theo văn bản số 01/2022 ngày 08/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.4. Công ty Cổ phần tập đoàn Sơn công nghệ cao Nano Delux: Theo văn bản số 01.2022/TBG-BN ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.5. Công ty Cổ phần Sơn Newcolor Việt Nam: Theo văn bản số 012022/TB-NCL ngày 10/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.6. Công ty Cổ phần Sơn Pantone Việt Nam: Theo văn bản số 12022/CV-PT ngày 06/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.7. Công ty TNHH liên doanh Sơn Pretty: Theo văn bản số 11/2022-SPT ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022.

6.8. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 02012022/VENRA-SXD ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.9. Công ty Cổ phần thương mại sản xuất quốc tế NANOZTO: Theo văn bản số 012022/TB-NCL ngày 10/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.10. Công ty TNHH Sơn Ronspec: Theo văn bản số 052022/RONSPEC ngày 01/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý I/2022).

6.11. Công ty Cổ phần Sơn Nano Shield Việt Nam: Theo văn bản số 01/BG-NANO SHIELD ngày 05/01/2022 về việc đề nghị đăng giá Sơn Nano Shield trên Công bố giá liên Sở Xây dựng-Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

6.12. Công ty Cổ phần tập đoàn Thành Thắng: Theo văn bản số 05/BG-TĐTT ngày 27/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.13. Công ty TNHH Hải Quân: Theo văn bản số 01.2022/TB-HQ ngày 10/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.14. Công ty Cổ phần đầu tư Kolor Paint Việt Nam: Theo văn bản số 01/2022 ngày 01/01/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.15. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Nisfor Vina: Theo văn bản số 02/CV-CBG ngày 10/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.16. Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ sơn Apex Việt Nam: Theo văn bản số 001/CV-APEX ngày 01/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.17. Công ty Cổ phần ST Quốc Tế: Theo văn bản số 01.2022/BG-STQT ngày 05/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

6.18. Công ty Cổ phần công nghệ cao Minh Anh: Theo văn bản số 01-2022/MA ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

Nhóm 7. Dây, cáp, thiết bị điện và phụ kiện

7.1. Công ty Cổ phần cơ điện Trần Phú: Theo văn bản số 01/TP-NYVL ngày 10/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2022.

7.2. Công ty Cổ phần Fusieletric: Theo văn bản số 01/2022 FS-BN ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.3. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam: Theo văn bản số 01/SXD-SLI ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.4. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng: Theo văn bản số 06/SXD-PT ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.5. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Phát: Theo văn bản số 0101/CV/2022 ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.6. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phương Đông: Theo văn bản số 0501/PĐ ngày 05/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.7. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia: Theo văn bản số 16/2022 ngày 24/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.8. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Thiên Long: Theo văn bản số 12LS/2022 ngày 24/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.9. Công ty Cổ phần Winco Việt Nam: Theo văn bản số 01/WINCO-CV ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.10. Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc: Theo văn bản số 06012022/MB ngày 06/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2022.

7.11. Công ty Cổ phần Đông Giang: Theo văn bản số 121/2022-CVĐG ngày 12/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.12. Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka: Theo văn bản số 11/2022/CV-HNK-KD ngày 14/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.13. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Thượng Đình: Theo văn bản số 01/BG-TĐ ngày 11/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

7.14. Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: Theo văn bản số 630/CV-KDTT ngày 11/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

Nhóm 8. Phòng cháy, chữa cháy

8.1. Công ty TNHH nghiên cứu và phát triển công nghệ Firesmart: Theo văn bản số 0201/2022/CV/FS-SXD ngày 02/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

8.2. Công ty Cổ phần PCCC thăng long Bắc Ninh: Theo văn bản số Q1/2022/TLBN ngày 05/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2022.

8.3. Công ty Cổ phần phát triển thương mại và xây lắp Bình Minh: Theo văn bản số 0219/CVBM ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

Nhóm 9. Ống nước, thiết bị vệ sinh và phụ kiện

9.1. Công ty Cổ phần nhựa thiếu niên Tiền Phong: Theo văn bản số 04/NTP-PTTT1 ngày 14/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

9.2. Công ty Cổ phần ASIA Kinh Bắc: Theo văn bản số 01/BG-ASIA ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

9.3. Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội: Theo văn bản số 0103/CV-NHN ngày 03/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

Nhóm 10. Cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm

10.1. Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Sông Đáy: Theo văn bản số 0101/BGSĐ ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

10.2. Công ty TNHH Đất Việt: Theo văn bản số 01/2022 ngày 03/01/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2022.

10.3. Công ty TNHH xây dựng Đại An: Theo văn bản số 01/01/2022/CV-ĐA ngày 01/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

10.4. Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng Trường Sơn: Theo văn bản số 01/2022/TS ngày 20/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

10.5. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Phạm Đình: Theo văn bản số 01/2022-PD ngày 06/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2022.

10.6. Công ty Cổ phần AVIA: Theo văn bản số 03/2022 ngày 02/01/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2022 (Quý I/2022).

10.7. Công ty Cổ phần xây dựng Vũ Hùng: Theo văn bản số 01/2022-VH ngày 01/01/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2022.

Nhóm 11. Vật liệu và cấu kiện khác

2.2. Một số lưu ý khi sử dụng thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng.

a) Về thông tin giá:

Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản triết khấu, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

b) Yêu cầu đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh niêm yết, công bố:

Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Hướng dẫn số 09/HD-SXD ngày 24/9/2021 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc hướng dẫn đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu gửi liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc ninh và mức giá mà đơn vị đã niêm yết, công bố; có trách nhiệm thông tin, công bố kịp thời khi thay đổi giá bán, chất lượng sản phẩm cho liên Sở.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

c) Yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị tham khảo, áp dụng công bố:

Khi áp dụng giá vật tư, vật liệu trong thông tin giá này yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cung cấp hồ sơ chất lượng và giá vật tư, vật liệu tại thời điểm đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị thường, chống thất thoát, lãng phí, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những sản phẩm, vật tư, vật liệu khi áp dụng.

Khuyến khích lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và có giá thành thấp.

II. Hướng dẫn tham khảo hoặc vận dụng giá vật liệu xây dựng trong công bố

Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là loại vật liệu phổ biến trong xây dựng công trình làm cơ sở tham khảo cho việc lập đơn giá xây dựng công trình. Giá những loại vật tư, vật liệu xây dựng có trong công bố tại khu vực thành phố Bắc Ninh mà các huyện, thành phố Từ Sơn không có thì có thể tham khảo ở thành phố Bắc Ninh.

Một số vật liệu không có trong công bố giá của liên Sở hoặc trường hợp giá vật tư, vật liệu xây dựng tại thời điểm lập dự toán, lập giá gói thầu có biến động (tăng hoặc giảm) so với giá công bố thì chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tự tổ chức khảo sát, xác định và quyết định giá vật liệu khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu của từng công trình đảm bảo theo quy định của pháp luật về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để cập nhật dữ liệu.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này để lập, thẩm tra, thẩm định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào thời điểm, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật tư, vật liệu hợp lý, xác định giá vật tư, vật liệu phù hợp với mặt bằng thị trường, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng thông tin giá theo công bố này phải chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và thực hiện đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các huyện, TP Bắc Ninh, TP Từ Sơn;
- Giám đốc và các Phó giám đốc Sở XD, Sở TC;
- Cổng TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, KT&VLXD, QLG.

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Đình Huấn

SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Xuân Đoàn

PHỤ LỤC 1

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC THÀNH PHỐ BẮC NINH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 - Mức giá chưa bao gồm VAT

(Kèm theo Công bố số 01/2022/CBLS-XD-TC ngày 10/02/2022 của Liên sở Xây dựng-Tài Chính)

Số TT		Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	1	**Cát xây dựng**			
1		Cát mịn (ML=0,7-1,4mm)	m^3	128.690	QCVN16: 2019/BXD
2		Cát mịn (ML=1,5-2mm)	m^3	138.690	
3		Cát vàng ML>2mm	m^3	378.690	
4		Cát san nền	m^3	102.690	
	2	**Đá dăm xây dựng**			
5		Đá dăm xanh 1 x 2 (đá chọn)	m^3	246.406	QCVN16: 2019/BXD
6		Đá dăm xanh 2 x 4 (đá chọn)	m^3	236.406	
7		Đá dăm xanh 4 x 6 (đá chọn)	m^3	226.406	
8		Đá dăm cấp phối loại I	m^3	191.406	
9		Đá dăm cấp phối loại II	m^3	181.406	
10		Đá dăm 0,5x1	m^3	191.406	
11		Đá mạt	m^3	163.690	
	3	**Nhựa đường**			
12		Nhựa đường Petrolimex 60/70 - Xá	kg	14.900	
13		Nhựa đường Petrolimex 60/70 - Phuy	kg	16.300	
14		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CSS-1, CRS-1	kg	14.100	
	4	**Xăng, dầu**			
		Từ ngày 25/12/2021			
15		Xăng RON95-III	lít	21.173	
16		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	20.500	
17		Diezen 0,05S-II	lít	15.973	
18		Dầu hoả 2-k	lít	15.009	
19		Dầu mazut No2B (3S)	kg	14.400	
20		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	14.309	
		Từ ngày 11/01/2022			
21		Xăng RON95-III	lít	21.700	
22		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	21.045	
23		Diezen 0,05S-II	lít	16.573	
24		Dầu hoả 2-k	lít	15.573	

25		Dầu mazut No2B (3S)	kg	14.964	
26		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	14.873	
		Từ ngày 25/01/2022			
27		Xăng RON95-III	lít	22.145	
28		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	21.445	
29		Diezen 0,05S-II	lít	17.182	
30		Dầu hoả 2-k	lít	16.173	
31		Dầu mazut No2B (3S)	kg	15.536	
32		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	15.445	
	5	**Sắt, thép**			
		1 - Thép Thái Nguyên			
		Thép tròn cuộn, thép cây			
		Từ ngày 01/01/2022			
33		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	16.803	
34		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	16.803	
35		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	16.953	
36		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.853	
37		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.853	
38		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.703	
39		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.653	
40		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	16.853	
41		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	16.703	
42		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	16.653	
		Từ ngày 21/01/2022			QCVN07: 2019/BKHCN
43		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	17.053	
44		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	17.053	
45		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	17.353	
46		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	17.103	
47		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	17.253	

48		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	17.103	
49		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	17.053	
50		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	17.253	
51		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	17.103	
52		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	17.053	
		Thép hình các loại			
		Từ ngày 01/01/2022			
53		Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.953	
54		Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.753	
55		Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.753	
56		Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.703	
57		Thép góc L70÷L75 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.803	
58		Thép góc L80÷L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.903	
59		Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.003	
60		Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.503	
61		Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	19.503	
62		Thép góc L80÷L90 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.553	
63		Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	19.053	QCVN07: 2019/BKHCN
64		Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	19.053	
65		Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	20.353	
66		Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.003	
67		Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.803	
68		Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.003	
69		Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.003	
70		Thép C18 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.153	

71		Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	18.403	
72		Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	18.353	
73		Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.903	
		2 - Thép Hòa Phát			
		Từ ngày 08/01/2022			
74		D6, D8 cuộn trơn CB240-T	kg	16.045	QCVN07: 2019/BKHCN
75		D8 cuộn gai CB300-V	kg	16.091	
76		D10 cây gai GR40	kg	13.915	
77		D12 cây gai CB300-V	kg	15.313	
78		D14 cây gai CB300-V	kg	15.315	
79		D16 cây gai GR40	kg	14.901	
80		D18 cây gai CB300-V	kg	15.346	
81		D20 cây gai B300-V	kg	15.383	
82		D22 cây gai CB300-V	kg	15.462	
		3 - Dây thép, đinh			
83		Dây thép đen các loại	kg	20.909	
84		Đinh các loại	kg	20.909	
		4 - Thép Việt Nhật (Cty CP luyện thép cao cấp Việt Nhật)			
85		D10 - CB300V	kg	17.430	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651-2:2018
86		D12 - CB300V	kg	17.330	
87		D14 ~ D32 - CB300V	kg	17.230	
88		D10 - CB400V	kg	17.530	
89		D12 - CB400V	kg	17.430	
90		D14 ~ D32 - CB400V	kg	17.330	
91		D10 – CB500V	kg	17.530	
92		D12 – CB500V	kg	17.430	
93		D14 ~ D32 – CB500V	kg	17.330	

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 01/2022/CBLS-XD-TC ngày 10/02/2022 của Liên sở Xây dựng-Tài Chính)

Đơn vị tính : đồng

Số TT		Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thành phố Từ Sơn	Huyện Tiên Du	Huyện Yên Phong	Huyện Quế Võ	Huyện T.Thành	Huyện Gia Bình	Huyện Lương Tài
	1	**Cát (TCVN)**									
1		Cát mịn cỡ hạt 0,7-1,4	m^3	QCVN16: 2019/BXD	127.694	126.033	132.920	122.074	118.274	124.468	125.824
2		Cát mịn cỡ hạt 1,5-2,0	m^3		137.694	136.033	142920	132.074	128.274	134.468	135.824
3		Cát vàng ML>2	m^3		377.694	376.033	382.920	372.074	368.274	374.468	375.824
4		Cát san nền	m^3		102.694	101.033	103.135	92.074	93.274	99.468	100.824
	2	**Các loại Đá (TCVN)**									
5		Đá dăm xanh (chọn)1x2	m^3	QCVN16: 2019/BXD	246.759	244.753	253.053	238.037	238.230	241.065	244.685
6		Đá dăm xanh (chọn) 2x4	m^3		236.759	234.753	243.053	228.037	228.230	231.065	234.685
7		Đá dăm xanh (chọn) 4x6	m^3		226.759	224.753	233.053	218.037	218.230	218.716	224.685
8		Đá dăm cấp phối loại 1	m^3		191.759	189.753	193.053	178.037	178.230	186.065	189.685
9		Đá dăm cấp phối loại 2	m^3		181.759	179.753	183.053	168.037	168.230	171.065	179.685